

Bản án số: 319/2022/DS-PT

Ngày: 22-6-2022

V/v: “Tranh chấp thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Huyền Phương
2. Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/DSPT ngày 15/4/2022 về việc “Tranh chấp thừa kế”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2110/2022/QĐXX-PT, ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7474/QĐ-PT ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Hồ Ngọc Ng** - Sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Số 105 đường 101, tổ 5, ấp Giữa, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* **Ông Hồ Văn T** - Sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số 262 Tỉnh lộ 9, tổ 10, ấp 4A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Phạm Văn Th, sinh năm: 1972 - Luật sư Công ty luật TNHH Một thành viên Đông An Th, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: ấp Chánh, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kh - Sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số 262 Tỉnh lộ 9, tổ 10, ấp 4A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3.2. Bà Hồ Thị T - Sinh năm: 1949.

Địa chỉ: Số 262 Tỉnh lộ 9, tổ 6, ấp 4A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị N (Hồ Thị N) - Sinh năm: 1951.

Địa chỉ: Số 328 Võ Văn Bích, tổ 5, ấp 4B, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

3.4. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh - Do ông Nguyễn Thanh Ph - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đại diện (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2017, các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng trình bày:

Bà Nga là con của ông Hồ Văn Ph (sinh năm 1925, mất năm 1969) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1925, mất năm 1995). Cha mẹ bà có 04 người con chung gồm: Hồ Thị Tư (sinh năm 1949), Nguyễn Thị Năm (sinh năm 1951), Hồ Ngọc Ng (sinh năm 1960) và Hồ Văn T (sinh năm 1963). Năm 1989 mẹ bà là Nguyễn Thị H có mua của gia đình ông Hồ Văn Điều phần đất diện tích 666m² thuộc thửa đất số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 7/1993, Nhà nước xây nhà tình nghĩa cho bà Nguyễn Thị H trên phần đất này; bà Hai và bà Hồ Thị Tư sống tại căn nhà này. Năm 1995 bà Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc. Phần đất này là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H để lại.

Ngày 04/7/2002, các bên đã có hòa giải tại ấp 4A, xã Bình M theo “Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai” ngày 04/7/2002. Nhưng đến năm 2003, ông Hồ Văn T đã làm hồ sơ, kê khai để hợp thức hóa thừa hưởng toàn bộ phần đất này và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V668985 ngày 14/7/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C. Năm 2013, Nhà nước có dự án nâng cấp Tỉnh lộ 9, nên Ủy ban nhân dân huyện C đã thu hồi 479m² trong phần đất

666m² nói trên. Tiền bồi thường thì ông Tám giữ là 1.157.000.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu đồng); phần đất còn lại sau thu hồi là 187m² hiện ông Tám cũng chiếm giữ.

Bà Hồ Ngọc Ng xác định yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với di sản của bà Nguyễn Thị H để lại là phần đất diện tích 666m² (sau đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th) thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 tọa lạc xã Bình Mỹ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể: phần đất còn lại diện tích 203,1m² thuộc Khu 1 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh chia làm 04 phần bằng nhau, bà Nga hưởng 01 phần nhưng đề nghị được nhận toàn bộ phần đất diện tích 203,1m² và sẽ hoàn trả lại cho ông Tám, bà Tư, bà Năm giá trị theo “Biên bản định giá tài sản” ngày 28/4/2021 xác định. Với phần đất diện tích 479,4m² thuộc khu 2 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh, đã được Ủy ban nhân dân huyện C đền bù số tiền là 1.656.728.316đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười sáu đồng) do ông Hồ Văn T nhận thì chia làm 04 phần bằng nhau, bà Nga được 01 phần là 414.182.079đ (Bốn trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi hai nghìn không trăm bảy mươi chín đồng) nên buộc ông Tám phải giao lại. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Văn T thì bà không đồng ý; bà Nga thống nhất với hiện trạng phần đất tranh chấp theo Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 14/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2020. Bà Hồ Ngọc Ng thống nhất với giá trị tài sản tranh chấp theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/4/2021.

* Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 02/5/2019, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Ông Tám là con của ông Hồ Văn Ph (sinh năm: 1925, mất năm: 1969) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm: 1925, mất năm: 1995). Cha mẹ ông Tám có 04 người con chung gồm: Hồ Thị Tư (sinh năm: 1949), Nguyễn Thị Năm (sinh năm: 1951), Hồ Ngọc Ng (sinh năm: 1960) và Hồ Văn T (sinh năm, 1963).

Phần đất diện tích 666m² thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mà bà Hồ Ngọc Ng yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là do ông Hồ Văn T mua của bà Nguyễn Thị H từ năm 1989. Trước đây phần đất này là do ông Hồ Văn Điều và bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng. Sau khi ông Điều chết thì bà Hoi đã bán lại

cho ông Tám và ông Tám đã canh tác, đóng thuế đầy đủ phần đất 666m² này. Năm 1993, do cha ông Tám là liệt sỹ nên Nhà nước có cấp nhà tình nghĩa cho mẹ ông Tám là bà Nguyễn Thị Hai, nhưng do bà Hai có đất ở xa mặt đường Tỉnh lộ 9 nên ông Tám đã đồng ý cho cất căn nhà tình nghĩa trên đất này.

Đến năm 1995 thì bà Nguyễn Thị H mất. Năm 2003 ông T cùng bà Ng bà T, bà N và bà Mai Anh Đ (sinh năm: 1953, là con riêng của cha ông) đã thống nhất chia toàn bộ di sản của cha mẹ ông Tám để lại là phần đất diện tích 6149m², mỗi người nhận phần đất diện tích 1229m². Các bên đều xác định không bỏ sót người thừa kế và không bỏ sót di sản. Sau đó các bên đã nhận và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất 666m² thuộc thửa đất số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện C Thành phố Hồ Chí Minh là do ông Tám vay vàng để mua, sau khi mua đã kê khai đăng ký theo quy định và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 668985 ngày 14/7/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C mang tên ông Hồ Văn T. Năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện C có thu hồi diện tích 479,4m² đất thuộc thửa 66-3 và một phần thửa 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) để làm dự án nâng cấp Tỉnh lộ 9. Thực hiện việc thu hồi ông Tám nhận và giữ số tiền đền bù là 1.656.728.316đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười sáu đồng). Năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 668985 ngày 14/7/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông Hồ Văn T là do khi cấp chưa làm đầy đủ trình tự thủ tục. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị làm lại thủ tục đúng quy định và sẽ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nhưng do bà Hồ Ngọc Ng liên tục tranh chấp nên Ủy ban nhân dân huyện C không tiến hành cấp theo thẩm quyền.

Bị đơn ông Hồ Văn T có “Đơn yêu cầu phản tố” đề ngày 02/5/2019, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp diện tích 666m² (sau đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc xã Bình Mỹ, huyện Ci, Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận cho ông Tám được quyền sử dụng phần đất diện tích 203,1m² còn lại thuộc Khu 1 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh, để ông Tám được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Hồ Văn T yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Tám được hưởng số tiền đền bù phần đất diện tích 479,4m² thuộc Khu 2 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020

của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th đã được Ủy ban nhân dân huyện C đền bù là 1.656.728.316đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười sáu đồng). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Hồ Văn T không đồng ý. Ông Tám thống nhất với hiện trạng phần đất tranh chấp theo Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 14/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2020; thống nhất giá trị theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/4/2021.

* Tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kh trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kh thống nhất với ý kiến, yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn T và thống nhất với hiện trạng phần đất tranh chấp theo Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 14/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2020; thống nhất giá trị tài sản tranh chấp theo Biên bản định giá ngày 28/4/2021. Bà Nguyễn Thị Kh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc Nga.

* Tại “Đơn khởi kiện” năm 2018; “Đơn rút đơn khởi kiện” ngày 15/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Tư trình bày:

Bà Tư là con của ông Hồ Văn Ph (sinh năm: 1925, mất năm: 1969) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm: 1925, mất năm: 1995). Cha mẹ bà có 04 người con chung gồm: Hồ Thị Tư (sinh năm: 1949), Nguyễn Thị Năm (sinh năm: 1951), Hồ Ngọc Ng (sinh năm: 1960) và Hồ Văn T (sinh năm, 1963). Bà Tư có nộp đơn khởi kiện nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện. Bà Hồ Thị Tư thống nhất với hiện trạng phần đất tranh chấp theo Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 14/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2020; thống nhất với giá trị tài sản tranh chấp theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/4/2021.

* Tại “Đơn khởi kiện” ngày 02/11/2018, “Đơn rút đơn khởi kiện” ngày 15/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Năm trình bày:

Bà Năm là con của ông Hồ Văn Ph (sinh năm: 1925, mất năm: 1969) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm: 1925, mất năm: 1995). Cha mẹ bà có 04 người con chung gồm: Hồ Thị Tư (sinh năm: 1949), Nguyễn Thị Năm (sinh năm: 1951), Hồ Ngọc Ng (sinh năm: 1960) và Hồ Văn T (sinh năm, 1963). Vào năm 2002, ông Tám cùng với bà Nga, bà Tư, bà Năm và bà Mai Anh Đào (sinh năm: 1953

là con riêng của cha ông) đã thống nhất chia toàn bộ di sản của cha mẹ để lại là 6149m² thuộc thửa 426, 427 và 412, tờ bản đồ số 8, xã Bình Mỹ; mỗi người sẽ nhận phần đất diện tích 1229m²; sau đó các bên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích 666m² tranh chấp là do ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị Kh mua của người dân địa phương, không phải là di sản thừa kế của mẹ để lại. Bà Nguyễn Thị Năm có nộp đơn khởi kiện nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện không yêu cầu nữa. Bà Năm thống nhất với hiện trạng phần đất tranh chấp theo Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 14/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2020 và thống nhất với giá trị tài sản tranh chấp theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/4/2021.

* Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Liên quan đến vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là bà Hồ Ngọc Ng và bị đơn là ông Hồ Văn T thì Ủy ban nhân dân huyện C không có ý kiến. Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 28/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 96; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 155; Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 165; Điều 166; Điều 201; Điều 202; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 95; Điều 99; Điều 100; Điều 101; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ vào Điều 18; Điều 20; Điều 21; Điều 88 và Điều 91 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Căn cứ vào Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tư được hưởng di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị H chết để lại, bà T được chia thừa kế phần đất

diện tích 46,75m² và số tiền đền bù là 289.250.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Năm được hưởng di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị H chết để lại, bà Năm được chia thừa kế phần đất diện tích 46,75m² và số tiền đền bù là 289.250.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng về việc yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà đối với di sản của bà Nguyễn Thị H để lại là phần đất diện tích 666m² (sau đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 tọa lạc xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Văn T.

Công nhận cho ông Hồ Văn T quyền sử dụng phần đất diện tích 666m² (sau đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th) thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

- Công nhận cho ông Hồ Văn T quyền sử dụng phần đất diện tích 203,1m² thuộc Khu 1 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh thuộc một phần thửa đất số 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng: Có 01 nhà vệ sinh kết cấu tường gạch, nền xi măng, mái tôn; còn lại là đất trống theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Ông Hồ Văn T được hưởng số tiền đền bù phần đất diện tích 479,4m² thuộc Khu 2 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh đã được Ủy ban nhân dân huyện C đền bù theo Quyết định số 11757/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện C ngày 24/12/2012 là 1.656.728.316đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười sáu đồng).

5. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng bao gồm: chi phí đo đạc là 6.603.095đ (Sáu triệu sáu trăm lẻ ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng); chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); chi phí định giá tài sản là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) - Được trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng bao gồm: Tạm ứng chi phí đo đạc là 6.603.095đ (Sáu triệu sáu

trăm lẻ ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng); Tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); Tạm ứng chi phí định giá tài sản là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bà Hồ Ngọc Ng đã nộp nên bà Hồ Ngọc Ng đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 08/02/2022, Tòa án nhân dân huyện C nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật cho bà Nga theo đơn khởi kiện đối với diện tích 666m² đất do bà Nguyễn Thị H là mẹ (mua của ông Điều qua bà Thúy là cháu ngoại ông Điều bằng giấy tay), để lại mà ông Hồ Văn T đang quản lý sử dụng và đã nhận tiền đền bù giải tỏa 479,4m². Bà Nga sẽ nhận 203,1m² là phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa thu hồi và hoàn giá trị cho 03 đồng thừa kế là ông Tám, bà Tư, bà Năm theo giá tại “Biên bản định giá” của Tòa án.

Bị đơn ông Hồ Văn T xác nhận không có kháng cáo. Ông T và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ng. Bởi lẽ 666m² diện tích đất mà bà Nga tranh chấp có là do ông Tám mua của bà Hợi là vợ sau của ông Điều bằng giấy tay, nhưng có người làm chứng, được nhà nước xác nhận quá trình sử dụng đóng thuế; không phải của bà Hai là Mẹ mua và chết để lại như bà Nga trình bày. Ông Tám cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T, bà Nguyễn Thị Kh và bà Nguyễn Thị N (Hồ Thị N) tất cả đều không có kháng cáo. Bà Khanh có mặt tại phiên tòa và đồng ý toàn bộ ý kiến, yêu cầu của ông Hồ Văn T và Luật sư trình bày.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; không bên nào bổ sung tài liệu chứng cứ mới tại phiên tòa. Tuy nhiên bà Nga và ông Tám, bà Khanh đều thống nhất xác nhận căn nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp đã được đền bù do thu hồi giải tỏa, là căn nhà ngói - tường gạch - diện tích 21,9m², mà ông Tám đã được nhận đền bù số tiền là 57.378.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật theo tổ tụng tại cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tổ tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tại giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định nguồn gốc diện tích 666m² đất tranh chấp (sau đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) là do bị đơn ông Hồ Văn T mua lại của bà Nguyễn Thị H như án sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên riêng căn nhà tình nghĩa do nhà nước cấp là cho bà Nguyễn Thị Hai, nên giá trị căn nhà được nhà nước đền bù do giải tỏa chính là di sản thừa kế của bà Hai, cần phải chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nga và ông Tám, bà Khanh thống nhất xác định căn nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp đã được đền bù là căn nhà ngói - tường gạch - diện tích 21,9m² và ông Tám đã nhận đền bù số tiền là 57.378.000 đồng. Như vậy, ông Tám, bà Nga, bà Tư và bà Năm là những đồng thừa kế mỗi người được hưởng ¼ số tiền đền bù này. Ngoài ra, xét bà Nga, bà Tư, bà Năm đều là những người trên 60 tuổi, tại cấp phúc thẩm đã có đơn xin miễn giảm án phí nên có căn cứ chấp nhận theo quy định pháp luật.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Nga, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DSST, ngày 28/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét “Đơn kháng cáo” của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng là trong thời hạn và thủ tục kháng cáo đúng quy định nên được xem xét về nội dung, yêu cầu kháng cáo.

[1.2] Bị đơn ông Hồ Văn T sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo.

[1.4] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Hồ Thị Tư, bà Nguyễn Thị N (Hồ Thị N) - tất cả không có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt; Ủy ban nhân dân huyện C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét theo các chứng cứ tại hồ sơ, về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích 666m² (đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 14/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) đất các bên tranh chấp thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện như sau:

[2.1] “Giấy bán đất” (viết tay) của bà Nguyễn Thị H ngày 20/3/1989 - có ông Trương Văn Hoàng xác nhận ngày 12/6/2003, nội dung thể hiện: Vào ngày 20/3/1989 bà Hời bán cho ông Hồ Văn T diện tích đất 700m² tọa lạc tại ấp 4A, xã Bình M và trên đất có cái nhà (BL176).

[2.2] “Bản tường trình” ngày 11/4/2013 của ông Trương Văn Hoàng được Ủy ban nhân xã Bình M, huyện C chứng thực số 1089 quyển số 1 ngày 15/4/2013, có nội dung: ông H là Trưởng ban nhân dân ấp 4A, xã Bình M từ năm 1990 đến nay. Ông H xác nhận nguồn gốc phần đất các bên đang tranh chấp là do ông Hồ Văn T mua vào năm 1989, đóng thuế nhà đất đầy đủ từ năm 1992 đến năm 2002. Và ông H có xác nhận vào giấy tay mua bán đất của bà Nguyễn Thị H bán cho ông Tám để ông Tám bỏ túc hồ sơ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL179).

[2.3] “Bản tường trình” ngày 11/4/2013 của bà Lê Thị Xinh được Ủy ban nhân xã Bình M, huyện C chứng thực số 1086 Quyển số 1 ngày 15/4/2013, với nội dung: Vào năm 01/01/1989, bà Xinh làm ban thu thuế nông nghiệp ấp 4A, xã Bình Mỹ. Bà Xinh xác nhận nguồn gốc phần đất các bên đang tranh chấp là của ông Hồ Văn Điều để lại cho vợ sau là bà Nguyễn Thị H hưởng thừa kế vì có công chăm sóc ông Điều đến cuối đời. “Sau khi ông Điều chết, đến năm 1989 bà Hời mới bán phần đất này cho ông Hồ Văn T để bà Hời về quê của bà. Ông Tám không đủ tiền mua, Nguyễn Thị Lã sinh năm 1925 là di ruột của ông Tám cho ông Tám mượn 2 chỉ 5 phân vàng để mua. Vì sợ ông Tám không trả vàng cho nên bà Lã kêu tôi đứng ra làm chứng bà cho ông Tám mượn vàng mua đất”. Và bà Xinh đã có xác nhận ông Tám hoàn thành thuế từ năm 1992 đến năm 2002 để ông Tám bỏ túc hồ sơ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL178).

[2.4] Công văn số 277/CNCC ngày 15/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C có nội dung: “... Phần đất diện tích 666m² (sau khi đo đạc thực tế là 682,5m² theo bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 14/7/2020 của công ty TNHH MTV thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) thuộc thửa 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7, GCN QSĐĐ số 42QSĐĐ/HTH ngày 14/07/2003 tọa lạc xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, trước đây là do ông Hồ Văn T đứng tên chủ sử dụng,

đã có quyết định thu hồi GCN QSDĐ số 6367 ngày 25/08/2015 của UBND Huyện C do cấp sai quy định.” (BL221).

[2.5] Công văn số 202/UBND-ĐC ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện C trả lời cho Tòa án có xác định: “Phần đất diện tích 666m² (sau khi đo đạc thực tế là 682,5m² theo bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 14/7/2020 của công ty TNHH MTV thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) thuộc thửa 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 tọa lạc xã Bình M có nguồn gốc của ông Hồ Văn Điều, bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng. Năm 1989, bà Nguyễn Thị H đã sang nhượng phần đất này cho ông Hồ Văn T bằng giấy tay. Ông Tám quản lý và sử dụng đến nay” (BL224).

[2.6] Thông báo số 124/TB-UBND ngày 11/2/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 42/QSDĐ/HTH ngày 14/7/2003 do ông Hồ Văn T đứng tên” có nội dung xác định: “... Xét thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn T là đúng đối tượng sử dụng đất do ông Tám có quá trình sử dụng từ năm 1995 cho đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình xét cấp giấy, Ủy ban nhân dân xã Bình M không thông qua Hội đồng xét cấp giấy tại xã là sai trình tự thủ tục.” (BL191-192).

[2.7] Tại “Quyết định số 6367/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 42/QSDĐ/HTH ngày 14/7/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hồ Văn T ngụ tại ấp 4A, xã Bình M, huyện C”, có nội dung xác định: “... Xét phần đất 666m² đang khiếu nại, có nguồn gốc của ông Hồ Văn Điều, bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng. Sau khi ông Điều chết, bà Nguyễn Thị H đã sang nhượng phần đất này cho ông Hồ Văn T bằng giấy tay. Năm 1993 ông Tám để cho mẹ là bà Nguyễn Thị H được cất căn nhà tình nghĩa trên phần đất này. Năm 1995, bà Hai chết và ông Tám tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay. Năm 2003, ông Tám đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân xã Bình M xác định đây không phải là di sản do bà Nguyễn Thị H chết để lại và đề xuất Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 42/QSDĐ/HTH ngày 14/7/2003 cho ông Hồ Văn T đứng tên là đúng đối tượng”.

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất 666m² mà các bên đang tranh chấp là có nguồn gốc của ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Thị H. Và sau khi ông D chết, bà Nguyễn Thị H đã sang nhượng phần đất này cho ông Hồ Văn T bằng giấy tay, chứ không phải sang nhượng cho bà Nguyễn Thị H như nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng trình bày và yêu cầu được phân chia thừa kế. Hơn nữa, tại “Biên bản

hòa giải” về tranh chấp đất ngày 14/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, bà Hồ Ngọc Ng cũng đã trình bày: “nguồn gốc đất của ông 8 Diêu, sau khi chết ủy quyền cho cô Thủy, má tôi mua bà Hợi là vợ nhỏ ông Tám, mua 1989...” (BL238-239). Ngoài ra, sau khi bà Nguyễn Thị H chết thì ngày 10/10/2002 giữa ông Hồ Văn T đã cùng với bà Hồ Ngọc Ng, bà Hồ Thị T, bà Hồ Thị N (Nguyễn Thị N) và bà Mai Anh Đ đã có “Đơn xin thừa kế quyền sử dụng đất” được Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ chứng thực số: 2074 Quyển số 1/TPSCT ngày 6/5/2004 - nội dung: các bên đã thỏa thuận đồng ý chia di sản của mẹ là bà Nguyễn Thị H chết để lại là phần diện tích 6.149 m², do ông Tám đứng tên, mỗi người nhận phần diện tích là 1.229 m² (BL182). Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nga, ông Tám xác nhận tất cả đã nhận và đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo nội dung đơn xin thừa kế này.

Bà Nga kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh phần đất tranh chấp là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị H để lại chưa chia. Do đó xét án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng về yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần đất diện tích 666m² (đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 tọa lạc xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (gồm cả số tiền đền bù 479m² mà ông Tám đã nhận) - Và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Văn T về công nhận phần diện tích đất 203,1m² còn lại (thuộc Khu 1 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th thuộc một phần thửa đất số 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) trong diện tích 666m² đất tranh chấp, thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Văn T với hiện trạng có 01 nhà vệ sinh kết cấu tường gạch, nền xi măng, mái tôn theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C là phù hợp các chứng cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với số tiền đền bù mà ông Hồ Văn T đã nhận, xét:

[3.1] Theo “Bảng tổng hợp về giá trị bồi thường, chính sách hỗ trợ thiệt hại trong dự án sửa chữa, nâng cấp đường tỉnh lộ 9 (10 cầu) tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh” số: VT151/BTH ngày 09/07/2013 của Hội đồng bồi thường dự án Ủy ban nhân dân huyện C cho hộ ông Hồ Văn Tám, thể hiện trong tổng số tiền 1.656.728.316 đồng mà ông Hồ Văn T đã được nhận đền bù là có khoản 05 phần về nhà cửa (5 nhà) với giá trị được tính tổng cộng là 459.387.600 đồng (BL240-241).

[3.2] Tại “Quyết định cấp căn nhà tình nghĩa cho hộ chính sách” số 150/QĐ-UB ngày 31/8/1993 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện bà Nguyễn Thị H được cấp 01 căn nhà tại ấp 4A, xã Bình Mỹ, huyện C (BL185).

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các bên đương sự đều công nhận căn nhà tình nghĩa là do bà Nguyễn Thị H mẹ ruột các bên được cấp theo Quyết định 150/QĐ-UB ngày 31/8/1993 nêu trên và cất trên phần diện tích đất 479,4m² đã bị thu hồi tại dự án nâng cấp đường tỉnh lộ 9 mà ông Tám đã nhận tổng số tiền đền bù nhà đất là 1.656.728.316 đồng.

Như vậy có căn cứ xác định giá trị căn nhà tình nghĩa được đền bù do giải tỏa là di sản thừa kế của bà Hai để lại. Cấp sơ thẩm không xác định giá trị căn nhà tình nghĩa cấp cho bà Hai trong khoản 05 phần về nhà cửa (5 nhà) bị thu hồi giải tỏa đã được bồi thường là di sản của bà Hai để lại để phân chia thừa kế theo pháp luật cho nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng và các đồng thừa kế là thiếu sót; cấp phúc thẩm cần phải khắc phục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng, ông T và bà Kh đều xác nhận căn nhà tường gạch, mái ngói diện tích 21,9m² là căn nhà tình nghĩa của bà Hai được Nhà nước cấp và ông Tám đã nhận đền bù khi giải tỏa với số tiền là 57.378.000 đồng. Do đó các đồng thừa kế gồm: nguyên đơn bà Hồ Ngọc Nga, bị đơn ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị Năm, bà Hồ Thị Tư mỗi người sẽ được hưởng thừa kế theo pháp luật một suất bằng $\frac{1}{4}$ số tiền đền bù căn nhà là 14.344.500 đồng. Ông Hồ Văn T đã nhận toàn bộ tiền đền bù về nhà nên phải có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế số tiền như đã phân tích.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng về yêu cầu xác định phần đất diện tích 666m² các bên tranh chấp là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H để lại để phân chia. Nhưng có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của Nga đối với giá trị căn nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp cho bà Nguyễn Thị H mà bị đơn ông Hồ Văn T đã nhận đền bù do giải tỏa như phân tích và phát biểu, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Do yêu cầu kháng cáo bà Hồ Ngọc Ng được chấp nhận một phần nên bà Nga không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp. Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng; bị đơn ông Hồ Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Hồ Thị T, bà Nguyễn Thị N (Hồ Thị N) mỗi người phải chịu theo quy định pháp luật đối với kỷ phần thừa kế được nhận là 717.225 đồng. Nhưng tại cấp

phúc thăm, bà Hồ Ngọc Ng, bà Hồ Thị T, bà Nguyễn Thị N (Hồ Thị N) có đơn xin miễn án phí vì là người trên 60 tuổi, do đó bà Nga, bà Tư và bà Năm được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Nga.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu được chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị H chết để lại gồm: phần đất diện tích 46,75m² và số tiền đền bù là 289.250.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu được chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị H chết để lại gồm: phần đất diện tích 46,75m² và số tiền đền bù là 289.250.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng về yêu cầu xác định và chia thừa kế phần đất diện tích 666m² (sau đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh) thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 tọa lạc xã Bình Mỹ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Nguyễn Thị H để lại.

4. Công nhận căn nhà tình nghĩa bà Nguyễn Thị H được Nhà nước cấp đã được đền bù do giải tỏa với số tiền 57.378.000 đồng do bị đơn ông Hồ Văn T đã nhận, được cất trên phần đất diện tích 666 m² (sau khi đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th) thuộc thửa đất số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mà các bên tranh chấp, là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H để lại.

5. Chia thừa kế theo pháp luật đối với giá trị căn nhà tình nghĩa được đền bù do giải tỏa với số tiền là 57.378.000 (năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi

tám ngàn) đồng mà ông Hồ Văn T đã nhận. Cụ thể: ông Hồ Văn T, bà Hồ Ngọc Ng, bà Hồ Thị T và bà Nguyễn Thị N - mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$, bằng 14.344.500 (mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm) đồng.

Bị đơn ông Hồ Văn T có trách nhiệm phải giao lại cho các đồng thừa kế gồm: bà Hồ Thị Ng, bà Hồ Thị T và bà Nguyễn Thị N (Hồ Thị N) mỗi người là 14.344.500 (mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm) đồng (bằng $\frac{1}{4}$ số tiền đền bù giá trị đối với căn nhà tình nghĩa do giải tỏa mà ông Tám đã nhận).

6. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Văn T:

- Công nhận phần đất diện tích 666m² (sau khi đo đạc thực tế là 682,5m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th) thuộc thửa số 66-3 và 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Hồ Văn T.

- Ông Hồ Văn T được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 203,1m² còn lại sau khi thu hồi giải tỏa, thuộc Khu 1 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Thịnh - thuộc một phần thửa đất số 66-4, tờ bản đồ số 7 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với hiện trạng gồm: 01 nhà vệ sinh kết cấu tường gạch, nền xi măng, mái tôn; còn lại là đất trống theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Hồ Văn T được hưởng số tiền đền bù nhà và đất còn lại trên diện tích 479,4m² đất thuộc Khu 2 Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 16/01/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng Th, do Ủy ban nhân dân huyện C đền bù theo Quyết định số 11757/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện C ngày 24/12/2012, với số tiền là 1.613.694.816 đồng (Một tỷ sáu trăm mười ba triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm mười sáu đồng) sau khi đã giao lại kỷ phần thừa kế cho bà Nga, bà Tư và bà Năm theo bản án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền; hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Hồ Ngọc Ng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Hồ Thị T, bà Nguyễn Thị N (Hồ Thị N) là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên tất cả được miễn không phải nộp.

Hoàn lại cho bà Hồ Ngọc Ng số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp số theo Biên lai thu số AA/2016/0007609 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Hồ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 717.225 (bảy trăm mười bảy ngàn hai trăm hai mươi lăm) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số: AA/2018/0025582 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Hồ Văn T còn phải nộp tiếp 417.225 (bốn trăm mười bảy ngàn hai trăm hai mươi lăm) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Hồ Ngọc Ng không phải chịu, nên được nhận lại 300.000 (ba trăm ngàn) đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số: AA/2021/0043791 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- TAND huyện Củ Chi;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thịnh